

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2022
V/v: Ly hôn, giải quyết nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Bá Sơn và ông Nguyễn Văn Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện KSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2022/TLST – HNGĐ, ngày 12/10/2022 về việc “*Ly hôn, giải quyết nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/11/2022 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 1986. Nơi ĐKKHKT: xã T, huyện T, Hà Tĩnh; Nơi ở hiện nay: thôn Vân Cù, xã TH, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đặng Hữu T, sinh năm: 1986; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện T, Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Đặng Hữu T kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2008, tại UBND xã T (nay là xã T) huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ban đầu là do kinh tế khó khăn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, cùng với việc anh T không tu chí làm ăn, thiếu chăm lo gia đình làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đặng Thị Thu T, sinh ngày: 20/01/2009 và Đặng Thị Ngọc A sinh ngày: 03/01/2013. Sau khi ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời chị S cũng cung cấp cho Tòa án 02 đơn trình bày của các con có nguyện vọng ở với chị S.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo nội dung đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và bản tự khai anh Đặng Hữu T trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Anh T thống nhất như lời trình bày của chị S về quá trình tìm hiểu, kết hôn và quá trình phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; vợ chồng sống ly thân từ năm 2014. Hiện tại, anh T cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vì không còn tình cảm với chị S. Anh T khẳng định đã nhận được thông báo thụ lý, biết được các tài liệu chị S cung cấp, nội dung yêu cầu khởi kiện của chị S; anh không có yêu cầu phản tố gì và cũng không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án. Do điều kiện bản thân anh đang làm việc ở xa, đi lại khó khăn nên đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án và ủy quyền lại cho bà Trần Thị T là mẹ đẻ của anh T nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án.

- *Về con chung*: Vợ chồng 02 con chung tên là Đặng Thị Thu T, sinh ngày: 20/01/2009 và Đặng Thị Ngọc A sinh ngày: 03/01/2013. Sau khi ly hôn anh T cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bà Trần Thị T mẹ đẻ anh Đặng Hữu T cung cấp thông tin*: Anh T và chị S có đăng ký kết hôn như hai vợ chồng trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn và bất đồng quan điểm sống. Bà mong muốn hai vợ chồng chị S và anh T đoàn tụ nhưng nếu hai vợ chồng kiên quyết ly hôn thì bà cũng tôn trọng ý kiến của hai con. Vợ chồng có hai con chung, nếu hai vợ chồng ly hôn thì bà cũng đồng ý để hai cháu cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Vì hai cháu là con gái, từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì hai cháu ở với chị S và học tập tại xã TH, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Trọng cam đoan đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ giao lại cho anh T.

* *Quan điểm của Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa*:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 35, 39, 48, 49, 51, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm

quyền, trình tự thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS; Nguyên đơn cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Anh T mặc dù không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng đã có bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt gửi Tòa án nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án xử:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S được quyền ly hôn anh Đặng Hữu T.

+ Về con chung: Giao hai con chung tên là Đặng Thị Thu T, sinh ngày: 20/01/2009 và Đặng Thị Ngọc A sinh ngày: 03/01/2013 cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung; Bị đơn anh Đặng Hữu T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nên việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng đã có bản tự khai trình bày rõ các nội dung liên quan đến vụ án và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Đặng Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hiện tại, cả hai vợ chồng đều thừa nhận mâu thuẫn phát sinh đã lâu và sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, hai người không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới. HĐXX xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ giải quyết cho chị S được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đặng Thị Thu T, sinh ngày: 20/01/2009 và Đặng Thị Ngọc A sinh ngày: 03/01/2013. Sau khi ly hôn, hai vợ chồng đều thống nhất giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay hai con do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cùng với sự hỗ trợ của bố mẹ chị S; việc nuôi con của chị S đảm bảo sự phát triển tốt cả về vật chất lẫn tinh thần và bản thân hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị S giao hai con Đặng Thị Thu T và Đặng Thị Ngọc A cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 24, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 21, Điều 207, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu S được quyền ly hôn anh Đặng Hữu T.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung tên là Đặng Thị Thu T, sinh ngày: 20/01/2009 và Đặng Thị Ngọc A sinh ngày: 03/01/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đặng Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm hay cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009887, ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Hữu T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T (nay là xã T), huyện T (để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nhân